

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 09-10-2018  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Mười

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Hồng Đại

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Trọng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 642/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 665/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Mỹ B; nơi ĐKKHKT: Khu dân cư N, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nơi tạm trú: Khu dân cư N, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức T; nơi cư trú: Khu tập thể A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mỹ B và anh Lê Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh chị kết hôn trong hoàn cảnh anh T đã có vợ và ly hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặt khác, do anh Lê Đức T nghiện ma túy, không chịu làm ăn, thường xúc phạm chị B. Hai bên gia đình đã hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành mà ngày càng trở lên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức T.

- Về con chung: Chị Đinh Thị Mỹ B và anh Lê Đức T có một con chung là Lê Trang A, sinh ngày 20/10/2011. Ly hôn chị B đề nghị Tòa án giao con cho chị B trực tiếp nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị B và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Mỹ B và anh Lê Đức T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức T không viết bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ B vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức T. Bị đơn anh Lê Đức T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mỹ B được ly hôn với anh Lê Đức T. Về việc

nuôi con: Giao con chung Lê Trang A, sinh ngày 20/10/2011 cho chị Đinh Thị Mỹ B trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị B và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Mỹ B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Đinh Thị Mỹ B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Đức T cư trú tại: Khu tập thể A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[2] Ngày 18 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền thụ lý vụ án; đến ngày 04 tháng 9 năm 2018, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[3] Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Đức T vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Đức T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Mỹ B và anh Lê Đức T được xác lập từ ngày 04/3/2011 là hoàn toàn tự nguyện. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/3/2011. Vì vậy hôn nhân giữa chị B và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Căn cứ vào lời khai của chị Đinh Thị Mỹ B, lời khai của người làm chứng, nhận thấy: Trước khi chị Đinh Thị Mỹ B xây dựng hạnh phúc với anh Lê

Đức T thì anh T đã có vợ người Điện Biên sau đó hai người đã ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặt khác, do anh Lê Đức T nghiện ma túy, không chịu làm ăn, thường xúc phạm chị B. Hai bên gia đình đã hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành mà ngày càng trở lên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau, cuộc sống và kinh tế riêng biệt. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức T. Xét hôn nhân giữa chị Đinh Thị Mỹ B và anh Lê Đức T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Mỹ B.

+ Về việc nuôi con:

[6] Chị Đinh Thị Mỹ B và anh Lê Đức T có một con chung là Lê Trang A, sinh ngày 20/10/2011. Từ ngày anh chị sống ly thân năm 2013 cho đến nay cháu Trang A vẫn ở với chị B. Ly hôn, chị B nhận nuôi con; mặt khác anh T đang phải nuôi con của vợ trước. Vì vậy, cần tiếp tục giao con chung Lê Trang A cho chị B nuôi để đảm bảo được mọi quyền lợi cho cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[7] Chị Đinh Thị Mỹ B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[8] Chị Đinh Thị Mỹ B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Chị Đinh Thị Mỹ B và anh Lê Đức T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mỹ B được ly hôn anh Lê Đức T.

- Về việc nuôi con: Giao con Lê Trang A, sinh ngày 20/10/2011 cho chị Đinh Thị Mỹ B trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Đinh Thị Mỹ B và anh Lê Đức T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc chia tài sản: Chị Đinh Thị Mỹ B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết..

- Về án phí: Chị Đinh Thị Mỹ B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014678 ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị Mỹ B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Đinh Thị Mỹ B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Lê Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Mười**







